

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

UNI-ATROPIN^{1%}

Atropin sulfat 10mg/ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi 1 ml dung dịch chứa:

Thành phần hoạt chất: Atropin sulfat 10 mg (1%).

Thành phần tá dược: Acid hydrocloric, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Dung dịch nhỏ mắt

Mô tả: Dung dịch trong, không có tiểu phân lạ quan sát được bằng mắt thường.

Chỉ định

Thuốc **kháng** muscarinic, dùng làm thuốc giãn đồng tử và liệt thể mi

Sử dụng trong điều trị viêm mống mắt và viêm màng bồ đào để làm liệt cơ mống mắt, cơ mi và để phòng ngừa hoặc loại bỏ sự kết dính.

Vì là một thuốc liệt thể mi mạnh, atropin được dùng trong xác định tật khúc xạ ở trẻ em dưới 6 tuổi và trẻ em bị lác mắt hội tụ

Liều dùng và cách dùng

Dùng để nhỏ mắt

Soi góc tiền phòng nên được thực hiện trước khi sử dụng thuốc

Người lớn:

Tật khúc xạ: 1 – 2 giọt, 1 giờ trước đo

Viêm màng bồ đào, viêm mống mắt: 1 – 2 giọt, tối đa 4 lần/ngày

Người cao tuổi: sử dụng **thận trọng** thuốc giãn đồng tử và liệt cơ thể mi ở người cao tuổi và **những** đối tượng có nguy cơ tăng nhãn áp

Trẻ em:

Tật khúc xạ: 1 giọt, 2 lần/ ngày, 1 – 3 ngày trước khi kiểm tra

Viêm màng bồ đào, viêm mống mắt: 1 giọt, tối đa 3 lần/ngày

Chống chỉ định

Quá mẫn với dược chất hoặc bất kỳ thành phần tá dược nào của thuốc.

Không dùng cho bệnh nhân tăng nhãn áp góc đóng.

Chống chỉ định ở những bệnh nhân có góc hẹp giữa mống mắt và giác mạc vì có thể làm tăng áp lực nội nhãn và gây nên đợt cấp tính của bệnh tăng nhãn áp góc đóng.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thận trọng ở những bệnh nhân có thể tăng áp lực nội nhãn.

Bệnh nhân cần được cảnh báo rằng thuốc nhỏ mắt kháng muscarinic sẽ làm giảm tạm thời thị lực.

Bệnh nhân nên rửa tay sau khi dùng thuốc và thận trọng tránh đưa thuốc vào miệng.

Do nguy cơ quá nóng nên atropin cần được sử dụng cẩn thận khi nhiệt độ môi trường cao hoặc bệnh nhân đang sốt.

Sử dụng thận trọng ở bệnh nhân có nhịp tim nhanh.

Mống mắt sẫm màu có khả năng chống giãn đồng tử nhiều hơn và cần thận trọng để tránh quá liều.

Trong quá trình sử dụng, không để đầu nhỏ giọt chạm vào mí mắt hoặc bất kỳ bề mặt nào khác.

Chỉ sử dụng để nhỏ mắt và tránh xa tầm tay của trẻ em.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Sự an toàn khi sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai và cho con bú chưa được thiết lập, do đó chỉ sử dụng thuốc khi có hướng dẫn của bác sĩ.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Khi nhỏ mắt có thể gây mờ thoáng qua. Khuyến cáo bệnh nhân không lái xe hoặc vận hành máy móc cho đến khi tầm nhìn rõ ràng.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Sử dụng đồng thời với các thuốc kháng muscarinic có thể làm tăng tác dụng của atropin. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự hấp thu của atropin sulfat có thể bị cản trở bởi các dung dịch có độ thẩm thấu cao.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Bệnh nhân có thể bị chứng sợ ánh sáng, do đó mắt cần được bảo vệ tránh ánh sáng chói trong khi đồng tử bị giãn nở.

Sử dụng atropin kéo dài có thể dẫn đến kích ứng cục bộ, đau nhức tạm thời, xung huyết, phù nề và viêm kết mạc. Tăng áp lực nội nhãn có thể xảy ra, đặc biệt ở bệnh nhân tăng nhãn áp góc đóng.

Quá mẫn với atropin không phải là không thường gặp với các triệu chứng như phát ban da hoặc viêm kết mạc.

Độc tính toàn thân có thể xảy ra khi dùng thuốc nhỏ mắt đặc biệt ở trẻ sơ sinh và người cao tuổi. Các triệu chứng đã được báo cáo bao gồm mất điều noa, bồn chồn, hưng phấn và ảo giác.

Các tác dụng không mong muốn khác có thể bao gồm: khô miệng và khó nuốt và khó nói, đỏ bừng và da khô, nhịp tim chậm thoáng qua sau đó là nhịp tim nhanh, đánh trống ngực và loạn nhịp tim, giảm chất tiết phế quản, tiểu gấp són và táo bón.

Tác dụng phụ không thường gặp gấp - són và táo bón bao gồm nhắm lẩn (đặc biệt ở người già), buồn nôn, nôn và chóng mặt.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng:

Các phản ứng toàn thân đối với atropin sử dụng tại chỗ thường không có ở liều bình thường. Các triệu chứng có thể xảy ra sau khi dùng thuốc quá liều, bao gồm các tác dụng kháng cholinergic, các thay đổi về tim mạch (nhịp tim nhanh, cuồng nhĩ, phân ly nhĩ thất) và tác động lên hệ thống thần kinh trung ương (nhắm lẩn, mất điều hòa, bồn chồn, ảo giác, co giật)

Cách xử trí:

Điều trị hỗ trợ triệu chứng

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: thuốc kháng cholinergic

Mã ATC: S01FA01

Sự giãn nở của đồng tử thường xảy ra trong vòng nửa giờ sau khi nhỏ thuốc và kéo dài 7 ngày hoặc lâu hơn. Liệt điều tiết trong vòng 1 giờ đến 3 giờ và phục hồi trong vòng từ 3 đến 7 ngày.

Đặc tính dược động học

Atropin dễ hấp thu từ đường tiêu hóa và niêm mạc, nó cũng được hấp thu từ mắt.

Thuốc chuyển hóa không hoàn toàn qua gan và được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi và các chất chuyển hóa.

Quy cách đóng gói:

Hộp 20 ống 0,5 ml

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm và tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. 7 ngày sau khi mở nắp.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

T1-20-120821-T02513-C00783